

BỘ CÔNG THƯƠNG
TRƯỜNG ĐẠI HỌC CÔNG NGHIỆP QUẢNG NINH



**KẾ HOẠCH ĐÀO TẠO KHÓA HỌC 2025 - 2030
CÁC LỚP ĐẠI HỌC CHÍNH QUY K18**

QUẢNG NINH 8-2025

KẾ HOẠCH ĐÀO TẠO HỌC KỲ I NĂM THỨ NHẤT NĂM HỌC 2025-2026
CÁC LỚP ĐẠI HỌC K18

TT	THÁNG	Kế hoạch và thực hiện	7+8	8	8	8	8	9	9	9	9	9+10	10	10	10	10+11	11	11	11	11	12	12	12	12	12+1
	TUẦN		1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21	22	23
	TỪ NGÀY		28	4	11	18	25	1	8	15	22	29	6	13	20	27	3	10	17	24	1	8	15	22	29
	ĐẾN NGÀY		2	9	16	23	30	6	13	20	27	4	11	18	25	1	8	15	22	29	6	13	20	27	3
1	Kế toán	KH TH					NH	CT	H	H	H	H	H	H	H	H	H	***	***	QS	QS	QS	QS	QS	###
2	Quản trị kinh doanh	KH TH					NH	CT	H	H	H	H	H	H	H	H	H	***	***	QS	QS	QS	QS	QS	###
3	Tài chính - Ngân hàng	KH TH					NH	CT	H	H	H	H	H	H	H	H	H	***	***	QS	QS	QS	QS	QS	###
4	Công nghệ kỹ thuật công trình xây dựng	KH TH					NH	CT	H	H	H	H	H	H	H	H	H	***	***	QS	QS	QS	QS	QS	###
5	Công nghệ thông tin	KH TH					NH	CT	H	H	H	H	H	H	H	H	H	***	***	QS	QS	QS	QS	QS	###
6	Công nghệ kỹ thuật điều khiển và tự động hóa	KH TH					NH	CT	H	H	H	H	H	H	H	H	H	***	***	QS	QS	QS	QS	QS	###
7	Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử	KH TH					NH	CT	H	H	H	H	H	H	H	H	H	***	***	QS	QS	QS	QS	QS	###
8	Công nghệ kỹ thuật cơ khí	KH TH					NH	CT	H	H	H	H	H	H	H	H	H	***	***	QS	QS	QS	QS	QS	###
9	Kỹ thuật mô	KH TH					NH	CT	H	H	H	H	H	H	H	H	H	***	***	QS	QS	QS	QS	QS	###
10	Kỹ thuật tuyển khoáng	KH TH					NH	CT	H	H	H	H	H	H	H	H	H	***	***	QS	QS	QS	QS	QS	###
11	Công nghệ kỹ thuật ô tô	KH TH					NH	CT	H	H	H	H	H	H	H	H	H	***	***	QS	QS	QS	QS	QS	###

Ghi chú:

*** : Thời gian ôn, thi, chấm thi kết thúc các học phần

: Thời gian dự phòng (Dùng cho việc dạy bù các ngày nghỉ lễ);

CT: Học chính trị đầu khóa;

NH: Nhập học

H: Thời gian học;

QS: Học giáo dục Quốc phòng- An ninh

KẾ HOẠCH ĐÀO TẠO HỌC KỲ II NĂM THỨ NHẤT NĂM HỌC 2025-2026
CÁC LỚP ĐẠI HỌC K18

TT	THÁNG	Kế hoạch và thực hiện	1	1	1	1	2	2	2	2	3	3	3	3	3+4	4	4	4	4	4+5	5	5	5	5	6	6	6	6	6+7	7	7	7
	TUẦN		24	25	26	27	28	29	30	31	32	33	34	35	36	37	38	39	40	41	42	43	44	45	46	47	48	49	50	51	52	
	TỪ NGÀY		5	12	19	26	2	9	16	23	2	9	16	23	30	6	13	20	27	4	11	18	25	1	8	15	22	29	6	13	20	
	ĐẾN NGÀY		10	17	24	31	7	14	21	28	7	14	21	28	4	11	18	25	2	9	16	23	30	6	13	20	27	4	11	18	25	
1	Kế toán	KH TH	H	H	H	H	H	TẾT	TẾT	TẾT	H	H	H	H	H	H	H	H	H	H	H	###	***	***	***	***	***	HÈ	HÈ	HÈ	HÈ	HÈ
2	Quản trị kinh doanh	KH TH	H	H	H	H	H	TẾT	TẾT	TẾT	H	H	H	H	H	H	H	H	H	H	H	###	***	***	***	***	***	HÈ	HÈ	HÈ	HÈ	HÈ
3	Tài chính - Ngân hàng	KH TH	H	H	H	H	H	TẾT	TẾT	TẾT	H	H	H	H	H	H	H	H	H	H	H	###	***	***	***	***	***	HÈ	HÈ	HÈ	HÈ	HÈ
4	Công nghệ kỹ thuật công trình xây dựng	KH TH	H	H	H	H	H	TẾT	TẾT	TẾT	H	H	H	H	H	H	H	H	H	H	H	###	***	***	***	***	***	HÈ	HÈ	HÈ	HÈ	HÈ
5	Công nghệ thông tin	KH TH	H	H	H	H	H	TẾT	TẾT	TẾT	H	H	H	H	H	H	H	H	H	H	H	###	***	***	***	***	***	HÈ	HÈ	HÈ	HÈ	HÈ
6	Công nghệ kỹ thuật điều khiển và tự động hóa	KH TH	H	H	H	H	H	TẾT	TẾT	TẾT	H	H	H	H	H	H	H	H	H	H	H	###	***	***	***	***	***	HÈ	HÈ	HÈ	HÈ	HÈ
7	Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử	KH TH	H	H	H	H	H	TẾT	TẾT	TẾT	H	H	H	H	H	H	H	H	H	H	H	###	***	***	***	***	***	HÈ	HÈ	HÈ	HÈ	HÈ
8	Công nghệ kỹ thuật cơ khí	KH TH	H	H	H	H	H	TẾT	TẾT	TẾT	H	H	H	H	H	H	H	H	H	H	H	###	***	***	***	***	***	HÈ	HÈ	HÈ	HÈ	HÈ
9	Kỹ thuật mỏ	KH TH	H	H	H	H	H	TẾT	TẾT	TẾT	H	H	H	H	H	H	H	H	H	H	H	###	***	***	***	***	***	HÈ	HÈ	HÈ	HÈ	HÈ
10	Kỹ thuật tuyển khoáng	KH TH	H	H	H	H	H	TẾT	TẾT	TẾT	H	H	H	H	H	H	H	H	H	H	H	###	***	***	***	***	***	HÈ	HÈ	HÈ	HÈ	HÈ
11	Công nghệ kỹ thuật ô tô	KH TH	H	H	H	H	H	TẾT	TẾT	TẾT	H	H	H	H	H	H	H	H	H	H	H	###	***	***	***	***	***	HÈ	HÈ	HÈ	HÈ	HÈ

Ghi chú:

*** : Thời gian ôn, thi, chấm thi kết thúc các học phần

H: Thời gian học;

TẾT: Thời gian nghỉ tết

HÈ: Nghỉ hè;

: Thời gian dự phòng (Dùng cho việc dạy bù các ngày nghỉ lễ);

KẾ HOẠCH ĐÀO TẠO HỌC KỲ I NĂM THỨ HAI NĂM HỌC 2026-2027
CÁC LỚP ĐẠI HỌC K18

TT	THÁNG	Kế hoạch và thực hiện	7+8	8	8	8	8	8+9	9	9	9	9+10	10	10	10	10	11	11	11	11	11+12	12	12	12	12+1
	TUẦN		1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21	22	23
	TỪ NGÀY		27	3	10	17	24	31	7	14	21	28	5	12	19	26	2	9	16	23	30	7	14	21	28
	ĐẾN NGÀY		1	8	15	22	29	5	12	19	26	3	10	17	24	31	7	14	21	28	5	12	19	26	2
1	Kế toán	KH TH	H	H	H	H	H	H	H	H	H	H	H	H	H	H	H	###	###	***	***	***	***	***	###
2	Quản trị kinh doanh	KH TH	H	H	H	H	H	H	H	H	H	H	H	H	H	H	H	###	###	***	***	***	***	***	###
3	Tài chính - Ngân hàng	KH TH	H	H	H	H	H	H	H	H	H	H	H	H	H	H	H	###	###	***	***	***	***	***	###
4	Công nghệ kỹ thuật công trình xây dựng	KH TH	H	H	H	H	H	H	H	H	H	H	H	H	H	H	H	###	###	***	***	***	***	***	###
5	Công nghệ thông tin	KH TH	H	H	H	H	H	H	H	H	H	H	H	H	H	H	H	###	###	***	***	***	***	***	###
6	Công nghệ kỹ thuật điều khiển và tự động hóa	KH TH	H	H	H	H	H	H	H	H	H	H	H	H	H	H	H	###	###	***	***	***	***	***	###
7	Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử	KH TH	H	H	H	H	H	H	H	H	H	H	H	H	H	H	H	###	###	***	***	***	***	***	###
8	Công nghệ kỹ thuật cơ khí	KH TH	H	H	H	H	H	H	H	H	H	H	H	H	H	H	H	###	###	***	***	***	***	***	###
9	Kỹ thuật mỏ	KH TH	H	H	H	H	H	H	H	H	H	H	H	H	H	H	H	###	###	***	***	***	***	***	###
10	Kỹ thuật tuyển khoáng	KH TH	H	H	H	H	H	H	H	H	H	H	H	H	H	H	H	###	###	***	***	***	***	***	###
11	Công nghệ kỹ thuật ô tô	KH TH	H	H	H	H	H	H	H	H	H	H	H	H	H	H	H	###	###	***	***	***	***	***	###

Ghi chú:

* * * : Thời gian ôn, thi, chấm thi kết thúc các học phần

H: Thời gian học;

: Thời gian dự phòng (Dùng cho việc dạy bù các ngày nghỉ lễ);

KẾ HOẠCH ĐÀO TẠO HỌC KỲ II NĂM THỨ HAI NĂM HỌC 2026-2027
CÁC LỚP ĐẠI HỌC K18

TT	THÁNG	Kế hoạch và thực hiện	1	1	1	1	2	2	2	2	3	3	3	3	3+4	4	4	4	4+5	5	5	5	5	5+6	6	6	6	6+7	7	7	7
	TUẦN		24	25	26	27	28	29	30	31	32	33	34	35	36	37	38	39	40	41	42	43	44	45	46	47	48	49	50	51	52
	TỪ NGÀY		4	11	18	25	1	8	15	22	1	8	15	22	29	5	12	19	26	3	10	17	24	31	7	14	21	28	5	12	19
	ĐẾN NGÀY		9	16	23	30	6	13	20	27	6	13	20	27	3	10	17	24	1	8	15	22	29	5	12	19	26	3	10	17	24
1	Kế toán	KH TH	H	H	H	TẾT	TẾT	TẾT	H	H	H	H	H	H	H	H	H	H	H	H	###	***	***	***	***	***	HÈ	HÈ	HÈ	HÈ	HÈ
2	Quản trị kinh doanh	KH TH	H	H	H	TẾT	TẾT	TẾT	H	H	H	H	H	H	H	H	H	H	H	H	###	***	***	***	***	***	HÈ	HÈ	HÈ	HÈ	HÈ
3	Tài chính - Ngân hàng	KH TH	H	H	H	TẾT	TẾT	TẾT	H	H	H	H	H	H	H	H	H	H	H	H	###	***	***	***	***	***	HÈ	HÈ	HÈ	HÈ	HÈ
4	Công nghệ kỹ thuật công trình xây dựng	KH TH	H	H	H	TẾT	TẾT	TẾT	H	H	H	H	H	H	H	H	H	H	H	H	###	***	***	***	***	***	HÈ	HÈ	HÈ	HÈ	HÈ
5	Công nghệ thông tin	KH TH	H	H	H	TẾT	TẾT	TẾT	H	H	H	H	H	H	H	H	H	H	H	H	###	***	***	***	***	***	HÈ	HÈ	HÈ	HÈ	HÈ
6	Công nghệ kỹ thuật điều khiển và tự động hóa	KH TH	H	H	H	TẾT	TẾT	TẾT	H	H	H	H	H	H	H	H	H	H	H	H	###	***	***	***	***	***	HÈ	HÈ	HÈ	HÈ	HÈ
7	Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử	KH TH	H	H	H	TẾT	TẾT	TẾT	H	H	H	H	H	H	H	H	H	H	H	H	###	***	***	***	***	***	HÈ	HÈ	HÈ	HÈ	HÈ
8	Công nghệ kỹ thuật cơ khí	KH TH	H	H	H	TẾT	TẾT	TẾT	H	H	H	H	H	H	H	H	H	H	H	H	###	***	***	***	***	***	HÈ	HÈ	HÈ	HÈ	HÈ
9	Kỹ thuật mỏ	KH TH	H	H	H	TẾT	TẾT	TẾT	H	H	H	H	H	H	H	H	H	H	H	H	###	***	***	***	***	***	HÈ	HÈ	HÈ	HÈ	HÈ
10	Kỹ thuật tuyển khoáng	KH TH	H	H	H	TẾT	TẾT	TẾT	H	H	H	H	H	H	H	H	H	H	H	H	###	***	***	***	***	***	HÈ	HÈ	HÈ	HÈ	HÈ
11	Công nghệ kỹ thuật ô tô	KH TH	H	H	H	TẾT	TẾT	TẾT	H	H	H	H	H	H	H	H	H	H	H	H	###	***	***	***	***	***	HÈ	HÈ	HÈ	HÈ	HÈ

Ghi chú:

*** : Thời gian ôn, thi, chấm thi kết thúc các học phần

: Thời gian dự phòng (Dùng cho việc dạy bù các ngày nghỉ lễ);

H: Thời gian học;

TẾT: Thời gian nghỉ tết

HÈ: Nghỉ hè;

KẾ HOẠCH ĐÀO TẠO HỌC KỲ I NĂM THỨ BA NĂM HỌC 2027-2028
CÁC LỚP ĐẠI HỌC K18

TT	THÁNG	Kế hoạch và thực hiện	7	8	8	8	8	8+9	9	9	9	9+10	10	10	10	10	11	11	11	11	11+12	12	12	12	12+1
	TUẦN		1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21	22	23
	TỪ NGÀY		26	2	9	16	23	30	6	13	20	27	4	11	18	25	1	8	15	22	29	6	13	20	27
	ĐẾN NGÀY		31	7	14	21	28	4	11	18	25	2	9	16	23	30	6	13	20	27	4	11	18	25	1
1	Kế toán	KH TH	H	H	H	H	H	H	H	H	H	H	H	H	H	H	H	###	###	***	***	***	***	***	###
2	Quản trị kinh doanh	KH TH	H	H	H	H	H	H	H	H	H	H	H	H	H	H	H	###	###	***	***	***	***	***	###
3	Tài chính - Ngân hàng	KH TH	H	H	H	H	H	H	H	H	H	H	H	H	H	H	H	###	###	***	***	***	***	***	###
4	Công nghệ kỹ thuật công trình xây dựng	KH TH	H	H	H	H	H	H	H	H	H	H	H	H	H	H	H	###	###	***	***	***	***	***	###
5	Công nghệ thông tin	KH TH	H	H	H	H	H	H	H	H	H	H	H	H	H	H	H	###	###	***	***	***	***	***	###
6	Công nghệ kỹ thuật điều khiển và tự động hóa	KH TH	H	H	H	H	H	H	H	H	H	H	H	H	H	H	H	###	###	***	***	***	***	***	###
7	Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử	KH TH	H	H	H	H	H	H	H	H	H	H	H	H	H	H	H	###	###	***	***	***	***	***	###
8	Công nghệ kỹ thuật cơ khí	KH TH	H	H	H	H	H	H	H	H	H	H	H	H	H	H	H	###	###	***	***	***	***	***	###
9	Kỹ thuật mỏ	KH TH	H	H	H	H	H	H	H	H	H	H	H	H	H	H	H	###	###	***	***	***	***	***	###
10	Kỹ thuật tuyển khoáng	KH TH	H	H	H	H	H	H	H	H	H	H	H	H	H	H	H	###	###	***	***	***	***	***	###
11	Công nghệ kỹ thuật ô tô	KH TH	H	H	H	H	H	H	H	H	H	H	H	H	H	H	H	###	###	***	***	***	***	***	###

Ghi chú:

* * * : Thời gian ôn, thi, chấm thi kết thúc các học phần

H: Thời gian học;

: Thời gian dự phòng (Dùng cho việc dạy bù các ngày nghỉ lễ);

KẾ HOẠCH ĐÀO TẠO HỌC KỲ II NĂM THỨ BA NĂM HỌC 2027-2028
CÁC LỚP ĐẠI HỌC K18

TT	THÁNG	Kế hoạch và thực hiện	1	1	1	1	1+2	2	2	2	2+3	3	3	3	3+4	4	4	4	4	5	5	5	5	5+6	6	6	6	6+7	7	7	7	
	TUẦN		24	25	26	27	28	29	30	31	32	33	34	35	36	37	38	39	40	41	42	43	44	45	46	47	48	49	50	51	52	
	TỪ NGÀY		3	10	17	24	31	7	14	21	28	6	13	20	27	3	10	17	24	1	8	15	22	29	5	12	19	26	3	10	17	
	ĐẾN NGÀY		8	15	22	29	5	12	19	26	4	11	18	25	1	8	15	22	29	6	13	20	27	3	10	17	24	1	8	15	22	
1	Kế toán	KH TH	H	H	TẾT	TẾT	TẾT	H	H	H	H	H	H	H	H	H	H	H	H	H	###	***	***	***	***	***	***	HÈ	HÈ	HÈ	HÈ	HÈ
2	Quản trị kinh doanh	KH TH	H	H	TẾT	TẾT	TẾT	H	H	H	H	H	H	H	H	H	H	H	H	H	###	***	***	***	***	***	***	HÈ	HÈ	HÈ	HÈ	HÈ
3	Tài chính - Ngân hàng	KH TH	H	H	TẾT	TẾT	TẾT	H	H	H	H	H	H	H	H	H	H	H	H	H	###	***	***	***	***	***	***	HÈ	HÈ	HÈ	HÈ	HÈ
4	Công nghệ kỹ thuật công trình xây dựng	KH TH	H	H	TẾT	TẾT	TẾT	H	H	H	H	H	H	H	H	H	H	H	H	H	###	***	***	***	***	***	***	HÈ	HÈ	HÈ	HÈ	HÈ
5	Công nghệ thông tin	KH TH	H	H	TẾT	TẾT	TẾT	H	H	H	H	H	H	H	H	H	H	H	H	H	###	***	***	***	***	***	***	HÈ	HÈ	HÈ	HÈ	HÈ
6	Công nghệ kỹ thuật điều khiển và tự động hóa	KH TH	H	H	TẾT	TẾT	TẾT	H	H	H	H	H	H	H	H	H	H	H	H	H	###	***	***	***	***	***	***	HÈ	HÈ	HÈ	HÈ	HÈ
7	Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử	KH TH	H	H	TẾT	TẾT	TẾT	H	H	H	H	H	H	H	H	H	H	H	H	H	###	***	***	***	***	***	***	HÈ	HÈ	HÈ	HÈ	HÈ
8	Công nghệ kỹ thuật cơ khí	KH TH	H	H	TẾT	TẾT	TẾT	H	H	H	H	H	H	H	H	H	H	H	H	H	###	***	***	***	***	***	***	HÈ	HÈ	HÈ	HÈ	HÈ
9	Kỹ thuật mỏ	KH TH	H	H	TẾT	TẾT	TẾT	H	H	H	H	H	H	H	H	H	H	H	H	H	###	***	***	***	***	***	***	HÈ	HÈ	HÈ	HÈ	HÈ
10	Kỹ thuật tuyển khoáng	KH TH	H	H	TẾT	TẾT	TẾT	H	H	H	H	H	H	H	H	H	H	H	H	H	###	***	***	***	***	***	***	HÈ	HÈ	HÈ	HÈ	HÈ
11	Công nghệ kỹ thuật ô tô	KH TH	H	H	TẾT	TẾT	TẾT	H	H	H	H	H	H	H	H	H	H	H	H	H	###	***	***	***	***	***	***	HÈ	HÈ	HÈ	HÈ	HÈ

Ghi chú:

*** : Thời gian ôn, thi, chấm thi kết thúc các học phần

: Thời gian dự phòng (Dùng cho việc dạy bù các ngày nghỉ lễ);

H: Thời gian học;

TẾT: Thời gian nghỉ tết

HÈ: Nghỉ hè;

KẾ HOẠCH ĐÀO TẠO HỌC KỲ I NĂM THỨ TƯ NĂM HỌC 2028-2029
CÁC LỚP ĐẠI HỌC K18

TT	THÁNG	Kế hoạch và thực hiện	7	7+8	8	8	8	8+9	9	9	9	9	10	10	10	10	10+11	11	11	11	11+12	12	12	12	12
	TUẦN		1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21	22	23
	TỪ NGÀY		24	31	7	14	21	28	4	11	18	25	2	9	16	23	30	6	13	20	27	4	11	18	25
	ĐẾN NGÀY		29	5	12	19	26	2	9	16	23	30	7	14	21	28	4	11	18	25	2	9	16	23	30
1	Kế toán	KH TH	H	H	H	H	H	H	H	H	H	H	H	H	H	H	H	###	###	***	***	***	***	***	###
2	Quản trị kinh doanh	KH TH	H	H	H	H	H	H	H	H	H	H	H	H	H	H	H	###	###	***	***	***	***	***	###
3	Tài chính - Ngân hàng	KH TH	H	H	H	H	H	H	H	H	H	H	H	H	H	H	H	###	###	***	***	***	***	***	###
4	Công nghệ kỹ thuật công trình xây dựng	KH TH	H	H	H	H	H	H	H	H	H	H	H	H	H	H	H	###	###	***	***	***	***	***	###
5	Công nghệ thông tin	KH TH	H	H	H	H	H	H	H	H	H	H	H	H	H	H	H	###	###	***	***	***	***	***	###
6	Công nghệ kỹ thuật điều khiển và tự động hóa	KH TH	H	H	H	H	H	H	H	H	H	H	H	H	H	H	H	###	###	***	***	***	***	***	###
7	Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử	KH TH	H	H	H	H	H	H	H	H	H	H	H	H	H	H	H	###	###	***	***	***	***	***	###
8	Công nghệ kỹ thuật cơ khí	KH TH	H	H	H	H	H	H	H	H	H	H	H	H	H	H	H	###	###	***	***	***	***	***	###
9	Kỹ thuật mỏ	KH TH	H	H	H	H	H	H	H	H	H	H	H	H	H	H	H	###	###	***	***	***	***	***	###
10	Kỹ thuật tuyển khoáng	KH TH	H	H	H	H	H	H	H	H	H	H	H	H	H	H	H	###	###	***	***	***	***	***	###
11	Công nghệ kỹ thuật ô tô	KH TH	H	H	H	H	H	H	H	H	H	H	H	H	H	H	H	###	###	***	***	***	***	***	###

Ghi chú:

* * * : Thời gian ôn, thi, chấm thi kết thúc các học phần

H: Thời gian học;

: Thời gian dự phòng (Dùng cho việc dạy bù các ngày nghỉ lễ);

KẾ HOẠCH ĐÀO TẠO HỌC KỲ II NĂM THỨ TƯ NĂM HỌC 2028-2029
CÁC LỚP ĐẠI HỌC K18

TT	THÁNG	Kế hoạch và thực hiện	1	1	1	1	1+2	2	2	2	2+3	3	3	3	3	4	4	4	4	4+5	5	5	5	5+6	6	6	6	6	7	7	7	
	TUẦN		24	25	26	27	28	29	30	31	32	33	34	35	36	37	38	39	40	41	42	43	44	45	46	47	48	49	50	51	52	
	TỪ NGÀY		1	8	15	22	29	5	12	19	26	5	12	19	26	2	9	16	23	30	7	14	21	28	4	11	18	25	2	9	16	
	ĐẾN NGÀY		6	13	20	27	3	10	17	24	3	10	17	24	31	7	14	21	28	5	12	19	26	2	9	16	23	30	7	14	21	
1	Kế toán	KH TH	TT	TT	TT	TT	TT	TẾT	TẾT	TẾT	TT	TT	TT	TT	###	KL	KL	KL	KL	KL	KL	KL	KL	KL	KL	KL	KL	KL	KL	KL	KL	
2	Quản trị kinh doanh	KH TH	TT	TT	TT	TT	TT	TẾT	TẾT	TẾT	TT	TT	TT	TT	###	KL	KL	KL	KL	KL	KL	KL	KL	KL	KL	KL	KL	KL	KL	KL	KL	
3	Tài chính - Ngân hàng	KH TH	TT	TT	TT	TT	TT	TẾT	TẾT	TẾT	TT	TT	TT	TT	###	KL	KL	KL	KL	KL	KL	KL	KL	KL	KL	KL	KL	KL	KL	KL	KL	
4	Công nghệ kỹ thuật công trình xây dựng	KH TH	H	H	H	H	H	TẾT	TẾT	TẾT	H	H	H	H	H	H	H	H	H	H	H	###	***	***	***	***	***	***	HÈ	HÈ	HÈ	HÈ
5	Công nghệ thông tin	KH TH	TT	TT	TT	TT	###	TẾT	TẾT	TẾT	KL	KL	KL	KL	KL	KL	KL	###	###	###	###	###	###	###	XTN	XTN	XTN	BG				
6	Công nghệ kỹ thuật điều khiển và tự động hóa	KH TH	H	H	H	H	H	TẾT	TẾT	TẾT	H	H	H	H	H	H	H	H	H	H	H	###	***	***	***	***	***	HÈ	HÈ	HÈ	HÈ	
7	Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử	KH TH	H	H	H	H	H	TẾT	TẾT	TẾT	H	H	H	H	H	H	H	H	H	H	H	###	***	***	***	***	***	HÈ	HÈ	HÈ	HÈ	
8	Công nghệ kỹ thuật cơ khí	KH TH	H	H	H	H	H	TẾT	TẾT	TẾT	H	H	H	H	H	H	H	H	H	H	H	###	***	***	***	***	***	HÈ	HÈ	HÈ	HÈ	
9	Kỹ thuật mỏ	KH TH	H	H	H	H	H	TẾT	TẾT	TẾT	H	H	H	H	H	H	H	H	H	H	H	###	***	***	***	***	***	HÈ	HÈ	HÈ	HÈ	
10	Kỹ thuật tuyển khoáng	KH TH	H	H	H	H	H	TẾT	TẾT	TẾT	H	H	H	H	H	H	H	H	H	H	H	###	***	***	***	***	***	HÈ	HÈ	HÈ	HÈ	
11	Công nghệ kỹ thuật ô tô	KH TH	H	H	H	H	H	TẾT	TẾT	TẾT	H	H	H	H	H	H	H	H	H	H	H	###	***	***	***	***	***	HÈ	HÈ	HÈ	HÈ	

Ghi chú:

*** : Thời gian ôn, thi, chấm thi kết thúc các học phần
: Thời gian dự phòng ;

H: Thời gian học;
TT: Thực tập cuối khóa

TẾT: Thời gian nghỉ tết
KL: Khóa luận tốt nghiệp
XTN: Xét tốt nghiệp
BG: Bế giảng

KẾ HOẠCH ĐÀO TẠO HỌC KỲ I NĂM THỨ NĂM NĂM HỌC 2029-2030
CÁC LỚP ĐẠI HỌC K18

TT	THÁNG	Kế hoạch và thực hiện	7	7+8	8	8	8	8+9	9	9	9	9	10	10	10	10	10+11	11	11	11	11+12	12	12	12	12	12+1		
	TUẦN		1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21	22	23	24		
	TỪ NGÀY		23	30	6	13	20	27	3	10	17	24	1	8	15	22	29	5	12	19	26	3	10	17	24	31		
	ĐẾN NGÀY		28	4	11	18	25	1	8	15	22	29	6	13	20	27	3	10	17	24	1	8	15	22	29	5		
1	Kế toán																											
2	Quản trị kinh doanh																											
3	Tài chính - Ngân hàng																											
4	Công nghệ kỹ thuật công trình xây dựng	KH TH	TT	TT	TT	TT	TT	TT	TT	TT	TT	TT	TT	TT	TT	***	KL	KL	KL	KL	KL	KL	KL	KL	***	XTN	BG	
5	Công nghệ thông tin																											
6	Công nghệ kỹ thuật điều khiển và tự động hóa	KH TH	TT	TT	TT	TT	TT	TT	TT	TT	***	KL	KL	KL	KL	KL	KL	KL	***	###	###	###	###	###	###	XTN	BG	
7	Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử	KH TH	TT	TT	TT	TT	TT	TT	TT	TT	TT	TT	TT	TT	###	KL	KL	KL	KL	KL	KL	KL	KL	***	###	XTN	BG	
8	Công nghệ kỹ thuật cơ khí	KH TH	TT	TT	TT	TT	TT	TT	TT	TT	TT	TT	TT	TT	###	KL	KL	KL	KL	KL	KL	KL	KL	***	###	XTN	BG	
9	Kỹ thuật mỏ	KH TH	TT	TT	TT	TT	TT	H	H	H	H	H	H	H	***	KL	KL	KL	KL	KL	KL	KL	KL	***	###	XTN	BG	
10	Kỹ thuật tuyển khoáng	KH TH	TT	TT	TT	TT	TT	TT	TT	TT	TT	###	***	KL	KL	KL	KL	KL	KL	KL	KL	KL	KL	***	###	XTN	BG	
11	Công nghệ kỹ thuật ô tô	KH TH	TT	TT	TT	TT	TT	TT	TT	TT	TT	TT	TT	TT	***	KL	KL	KL	KL	KL	KL	KL	KL	KL	***	###	XTN	BG

Ghi chú:

* * * : Thời gian ôn, thi, chấm thi kết thúc các học phần

H: Thời gian học;

TT: Thực tập cuối khóa

XTN: Xét tốt nghiệp

: Thời gian dự phòng;

KL: Khóa luận tốt nghiệp

BG: Bể giảng

Nơi nhận:

- Giám hiệu (01);
- Các đơn vị trong toàn trường;
- Lưu VT, Phòng TCKT, ĐT (03 bản)



TS. Hoàng Hùng Thắng

HIỆU TRƯỞNG

TRƯỜNG PHÒNG ĐÀO TẠO

TS. Nguyễn Văn Thản

Quảng Ninh, ngày 26 tháng 8 năm 2025

NGƯỜI LẬP

Bùi Duy Khuông